

THÔNG BÁO

Mời chào giá vật tư y tế, hóa chất, y dụng cụ

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Nhằm có cơ sở xây dựng giá gói thầu mua sắm vật tư y tế, hoá chất, y dụng cụ năm 2025, 2026 (Lần 2). Bệnh viện Nhân Ái kính mời Quý Công ty có đủ điều kiện năng lực kinh nghiệm và tư cách pháp nhân tham gia chào giá hàng hoá với nội dung cụ thể như sau:

- Bên mời chào giá: Bệnh viện Nhân Ái, xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Nội dung yêu cầu chào giá: Theo phụ lục đính kèm

(Ghi chú: Nhà thầu có thể đề xuất hàng hoá có tính năng kỹ thuật khác với tính năng kỹ thuật bệnh viện đưa ra, tuy nhiên phải phù hợp với mục đích sử dụng ban đầu và tính năng kỹ thuật đó được cập nhật, thể hiện trong bản chào giá)

- Thời gian tiếp nhận chào giá: Từ ngày ra Thông báo đến hết ngày 06 tháng 6 năm 2025.

Hình thức chào giá: Bằng đường mail theo địa chỉ: phongvttbytna@gmail.com hoặc đường công văn theo địa chỉ: Phòng Vật tư – Thiết bị y tế – Bệnh viện Nhân Ái, xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Số điện thoại 0388.322.396.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Các Nhà thầu;
- Lưu: VT, VTTBYT (NVT/01b)



Nguyễn Phi Khanh



DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ, HOÁ CHẤT, Y DỤNG CỤ MỜI CHÀO GIÁ
(Đính kèm Thông báo số 387/TB-BVNA ngày 27 tháng 5 năm 2025)

Stt	Tên vật tư y tế, hoá chất, y dụng cụ	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật/tính năng kỹ thuật
A/	VẬT TƯ, DỤNG CỤ Y TẾ		
01	Băng thun 3 móc	Cuộn	Làm từ sợi cotton kết hợp với sợi cao su thiên nhiên; $\geq 10\text{cm} \times \geq 2.4\text{m}$
02	Bao dầu dò siêu âm	Cái	PE; Tiết trùng; Kích thước 14cm ($\pm 1\text{cm}$) x 30 - 50cm
03	Bầu xông khí dung cho máy thở	Cái	Nhựa y tế PP/PVC; Có van điều tiết lượng khí dung phun ra; Sử dụng cho máy HT50
04	Bộ khám ngũ quan	Bộ	Gồm: Đầu đèn khám tai, đầu đèn khám mắt, van mỡ mũi, gọng dẫn quang công- gương soi thanh quản, bộ phận kẹp giữ đèn lười, cán pin.
05	Bộ tiểu nam	Cái	Chất liệu nhựa ABS hoặc PP, có nắp đậy, có tay cầm, có vạch đếm lượng nước tiểu, dung tích 1000ml
06	Bộ tiểu nữ	Cái	Chất liệu nhựa ABS hoặc PP 100% nguyên chất; Có tay cầm; Có nắp đậy; Dung tích 1000ml
07	Bơm tiêm khí máu động mạch	Cái	Chất liệu Polypropylen. Được tráng phủ trước Heparin; 1ml
08	Cân sức khỏe	Cái	Khoảng đo chiều cao: 70-200cm $\pm 1\text{cm}$. Khoảng chia: 0.1cm. Tải trọng : 0.1 ~ 200kg $\pm 0.1\text{kg}$. Khoảng chia: 100g Các phím chức năng: Power key (phím mở nguồn), Power Off key (phím tắt nguồn), Unit key (phím chuyển đơn vị), Zero key (phím calib về 0). Màn hình: LCD. Chất liệu: Thép nhôm, để kim loại sơn tĩnh điện. Kích thước bề đứng lớn: 39.5*29.5cm $\pm 2\text{cm}$
09	Chén inox	Cái	Chất liệu Inox, phi 8.5 x 7

Stt	Tên vật tư y tế, hoá chất, y dụng cụ	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật/tính năng kỹ thuật
10	Dầu làm bóng chống rỉ sét dụng cụ	Chai	Thích hợp cho quy trình hấp ẩm theo tiêu chuẩn EN ISO 17665 và hấp khô 180o C; Chai 300ml
11	Đèn pin khám bệnh (Thần đèn, pin, bóng đèn)	Bộ	Chất liệu: Hợp kim nhôm; Led : XPE (màu sắc trắng và vàng) Công suất LED: 3W
12	Đồng hồ đo áp lực bóng chèn	Cái	Sử dụng để đo áp lực bóng chèn nội khí quản. Mặt đồng hồ đo đường kính 8mm, có móc treo
13	Giá Inox đựng bệnh phẩm	Cái	Chất liệu Inox: 20 ó
14	Gối hơi chống loét	Cái	Kích thước: 36 x 58 x 10cm
15	Hộp đựng bệnh phẩm	Cái	Nhựa PP, 23.2cm x 29cm x 18.3cm (±2cm), có nắp đậy
16	Hộp đựng tiểu bàn	Cái	Hộp 100 vị trí. Kích thước: 200 mm x 162 mm x 32 mm. Chất liệu: nhựa ABS
17	Khung tập đi	Cái	Chất liệu Inox; Cao 78-96, rộng 57 ± 5cm, dài 50 ± 5cm, 02 bánh xe hỗ trợ đẩy, chân đế sau trụ vững, điều chỉnh được cao thấp.
18	Mask máy thở	Cái	Chất liệu: PC, ABS, Silicone y tế; Size M; Sử dụng cho máy thở HT50/TV-100
19	Máy nghiền thuốc	Bộ	Kích thước: 15 x 6 x 15cm ((±2cm); Lưỡi xay: Inox, vỏ máy: ABS + PP
20	Máy soi tĩnh mạch	Cái	Kích thước 200 (W) x 55 (H) x 60 (D) mm. Nguồn sạc: Nguồn vò: 100-240Vac 50 / 60Hz 1.5A. Nguồn ra: 5V, 2A. Pin sạc: lithium battery: 3.7V, 32000mAh. Độ ồn: ≤20dB+ Thời lượng hoạt động liên tục của pin lithium: không ngắn hơn 2.5 giờ; Thời gian cần thiết để sạc đầy pin lithium đã cạn kiệt: không quá 3 giờ (thiết bị sẽ tắt nguồn trong khi sạc). Chế độ chiếu: hiển thị trên da. Loại nguồn sáng: Đèn hồng ngoại chiếu gần. Bước sóng hồng ngoại: 850nm. Vị trí lấy nét tối ưu: 150 - 250mm. Độ sâu trường ảnh: 7-9mm. Năng lượng bức xạ hồng ngoại ≤0.6mW/m

Stt	Tên vật tư y tế, hoá chất, y dụng cụ	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật/tính năng kỹ thuật
21	Nhiệt ẩm kế	Cái	Thông tin chia vạch: 2°C (Nhiệt độ), 5% (Độ ẩm); Khoảng đo: -20°C đến 40°C (Nhiệt độ), 10-90% (Độ ẩm); Kích thước 182 x 32mm (±2mm)
22	Nhiệt kế tủ lạnh	Cái	Khoảng đo: -30 độ C đến 40 độ C; Độ chính xác: ± 2 độ C (trong khoảng đo 0 độ C) ± 3 độ C (dưới 1 độ C); Khoảng chia: 1 độ C; Nhiệt độ bảo quản: -30 độ C đến 60 độ C; Kích thước: 20mm x 90mm x 10mm (±2mm)
23	Ống nghiệm thủy tinh	Tube	Chất liệu thủy tinh; 10mm x 75mm
24	Test dung cụ	Test	Class 6 hoặc tương đương; Đạt tiêu chuẩn Iso 11140-1:2005 hoặc tương đương
25	Test lò hấp (Boiwe dick test)	Tờ	13cm x 11cm x 2cm
26	Test Toxoplasma + dung dịch đậm	Test	Độ nhạy : 89% - 100% Độ đặc hiệu: ≥ 91%
27	Thẻ xét nghiệm định lượng điện giải (Na, K, iCa), sinh hoá (Glucose), huyết học (Hct, Hgb), khí máu (pH, PCO2, P02, TCO2, HCO3, BE, SO2)	Thẻ	Sử dụng trong định lượng in vitro sodium, potassium, chloride, ionized calcium, glucose, urea Nitrogen, creatinin, hematocrit, hemoglobin, pH, áp suất riêng phần oxy và áp suất riêng phần carbon dioxide trong động mạch, tĩnh mạch hoặc máu toàn phần. Giá trị các thông số đo như sau: - Na: 100 - 180 mmol/L - K: 2.0 - 9.0 mmol/L - Cl: 65 - 140 mmol/L - iCa: 0.25 - 2.50 mmol/L - Glucose: 20 - 700 mg/dL - Urea Nitrogen: 3 - 140 mg/dL - Creatinin: 0.2 - 20 mg/dL - TCO2: 5 - 50 mmol/L - Hct: 15 - 75 % - Hgb: 5.1 - 25.5 g/dL
28	Túi cho ăn qua sonde (Túi truyền thức ăn cho bệnh nhân qua Sonde dạ dày)	Bộ	Nhựa PVC. Chiều dài dây dẫn ≥ 150cm, dung tích 1200ml

Stt	Tên vật tư y tế, hoá chất, y dụng cụ	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật/tính năng kỹ thuật
29	Túi cứu thương	Cái	Chất liệu: Vải bố; Ngăn chính (size 30x20x20cm/±2cm), 2 túi hông hai bên, 1 túi phía trước, quai xách và quai đeo chắc chắn; Kích thước 34cm x 22cm x 24cm (±2cm)
30	Xăng có lỗ	Cái	Vải Cotton, 40cm x 60cm
31	Xăng có lỗ	Cái	Vải Cotton, 80cm x 80cm
32	Xăng không lỗ	Cái	Vải Cotton, 40cm x 60cm
B/	HOÀ CHẤT		
I/	HOÀ CHẤT MÁY HUMAN 3500		
33	Thuốc thử chẩn đoán nồng độ ADA trong huyết thanh, dịch não tủy hoặc màng phổi (bao gồm chất hiệu chuẩn Calibrator trong hộp)	Hộp	Thành phần: A. 1 x 40 mL Thuốc thử A B. 1 x 10 mL Thuốc thử B C. 1 x 1 mL chất chuẩn. Đồng khô Nồng độ trong dung dịch phân ứng là: Đệm Tris-HCl pH 7,5 100 mM Adenosin 12 mM Natri α-ketoglutarat 15 mM ADP 2,5 mM NADPH 0,3 mM GLDH ≥ 800 U/L Chất bảo quản và chất ổn định Chất chuẩn: Nhóm huyết thanh của con người được pha thêm chất ổn định có nồng độ ADA đã biết. Độ nhạy: như giới hạn phát hiện: 3,69 IU/L Độ tuyến tính: lên đến 200 IU/L Độ chính xác trong chuôi, theo CV%: 3,24% Độ chính xác tổng thể, theo CV%: 6,53% Tương thích với máy Human 3500

Stt	Tên vật tư y tế, hoá chất, y dụng cụ	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật/tính năng kỹ thuật
34	Thuốc thử kiểm chuẩn xét nghiệm ADA	Hộp	Thành phần: A. 1 x 1 mL Mức kiểm soát 1 B. 1 x 1 mL Mức kiểm soát 2 Các chất kiểm chuẩn, khi được bảo quản ở nhiệt độ 2 - 8°C, sẽ ổn định cho đến ngày hết hạn được ghi trên nhãn. Sau khi mở, chúng ổn định trong 10 ngày nếu được bảo quản chặt ở 2 - 8°C và hai tháng ở -20°C Tương thích với máy máy Human 3500
II/	HÓA HUYẾT HỌC 24 TS		
35	DD phá hồng cầu Neo-Lyse C	Can	1 lít
36	DD dịch rửa NEO-Detergent C	Can	20 lít
37	DD rửa kim Neo-Clearn 50	Chai	100 ml
38	DD pha loãng Neo-Diluent C	Can	20 lít
III/	HOÁ CHẤT NỘI KIỂM		
39	Mẫu nội kiểm tra chất lượng xét nghiệm định nhóm máu	Hộp	Dung dịch hồng cầu nhóm máu A, B, O nồng độ 5%. Mục đích sử dụng: Nội kiểm Định nhóm máu (nội kiểm thuốc thử Anti-A, Anti-B, Anti-AB dùng trong xét nghiệm định nhóm máu hệ ABO). 3 x 7ml
IV/	PHÒNG VI SINH		

Sit	Tên vật tư y tế, hoá chất, y dụng cụ	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật/tính năng kỹ thuật
40	Chai cấy máu hiếu khí (Tự động)	Chai	Chai cấy máu vô trùng hiệu khí dùng cho người lớn bằng nhựa BD BACTEC Plus Aerobic. Nước đã qua xử lý :30 mL; Soybean-Casein Digest Broth : 3.0 % w/v; Cao nấm men: 0.4% w/v; Amino Acids: 0.05% w/v; Đường: 0.2% w/v. Sodium Polyametholsulfonate (SPS) : 0.05% w/v; Vitamins: 0.025%w/v Antioxidants/Reductants: 0.005%w/v Nonionic Adsorbing Resin: 13.4%w/v Cationic Exchange Resin: 0.9%w/v; 50 chai/hộp
41	Ống nghiệm vô trùng	Tube	Ống nhựa PS vô trùng 5ml nắp trắng, không nhãn. Túi 1 ống.
42	Pipet pasteur	Cái	Được tiệt trùng từng cái, 3ml, 1 cái/túi
43	Que cấy vi sinh dầu tròn	Que	Inox không rỉ, dầu tròn, 1μl
44	Que cấy vi sinh dầu tròn	Que	Inox không rỉ, dầu tròn, 10μl
45	Que cấy vi sinh dầu tròn	Que	Inox không rỉ, dầu tròn, 5μl
46	Tăm bông phết kháng sinh dò	Que	Dùng trong kỹ thuật kháng sinh dò. Que gỗ đầu có quấn bông, đã vô trùng bằng E.O, que chứa trong từng ống riêng biệt
V/	HÓA CHẤT KHÁC		
47	Acid Acetic	Chai	Chai 500ml
48	Brilliant cresyl blue	Chai	Chai 100ml
49	Clorine 70%	Thùng	70%. Thùng 45kg
50	Dầu soi kính hiển vi (Immersion oil)	Chai	Chai 100 ml
51	Glycerin	Chai	Chai 500ml
52	Hexamethyldisiloxane + Isooctane + Acrylate Terpolymer + Polyphenylmethylsiloxane Copolymer.	Chai	Dung dịch hỗ trợ điều vị hãm, loét. Dạng xit. Chai 28ml

Stt	Tên vật tư y tế, hoá chất, y dụng cụ	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật/tính năng kỹ thuật
53	Hóa chất rửa Film X-Quang	Bộ	Gồm bộ hiện hình và định hình
54	Tinh dầu sả nguyên chất	Lít	Chai 01 lít. Nguyên chất sử dụng pha nước rửa tay
Tổng cộng: 54 khoản			



